TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 130/2018/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 16 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 94/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Lưu Bảo T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Lê Thị Hoàng N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2018 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Bảo T, sinh năm 1980, địa chỉ ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang và chị Lê Thị Hoàng N, sinh năm 1993, địa chỉ khu phố 5, thị trấn B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Bảo T với chị Lê Thị Hoàng N.

- Về con chung: anh T và chị N có 01 con chung tên là Lưu Hoàng Bảo N2, sinh ngày 26/11/2016, hiện cháu N2 đang sống với chị N. Anh T và chị N thỏa thuận, thống nhất giao cháu N2 cho chị N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N2 mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N2 tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Anh T tự nguyện nộp T bộ 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 39319 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên anh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30. Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

LÊ TRUNG HIẾU